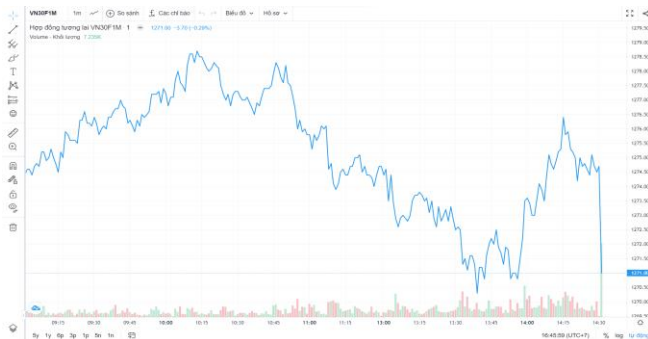


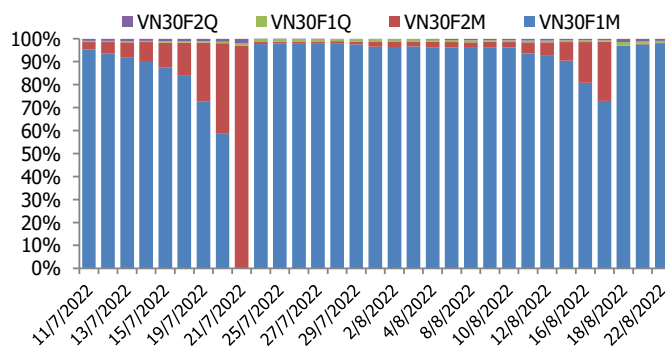
## BIỂU ĐỒ VN30F1M TRONG NGÀY



## THÔNG TIN MÃ HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

| MÃ        | Ngày đáo hạn | Số ngày | Đóng cửa | OI     |
|-----------|--------------|---------|----------|--------|
| VN30F2209 | 15/9/2022    | 24      | 1271.00  | 47,563 |
| VN30F2210 | 20/10/2022   | 59      | 1269.10  | 162    |
| VN30F2212 | 15/12/2022   | 115     | 1268.00  | 415    |
| VN30F2303 | 16/3/2023    | 206     | 1263.10  | 478    |

## TỶ TRỌNG VỊ THỂ MỞ GIỮA CÁC KỲ HẠN



## DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

- Trong giao dịch đầu tuần, cả 4 HĐTL giảm điểm ngay từ khi mở cửa, tuy nhiên, lực cầu xuất hiện giúp hợp đồng giằng co sát tham chiếu trong suốt phiên sáng. Sang đến phiên chiều, khối lượng bán tiếp tục xuất hiện nhiều hơn khiến các hợp đồng chìm trong sắc đỏ. Kết phiên, VN30F2209 đóng cửa ở mức giá gần thấp nhất trong ngày. Basis của các HĐTL tiếp tục yếu đi so với phiên trước (-22,35 đến -14,45 điểm), điều này cho thấy nhà đầu tư đang dự phòng kịch bản rung lắc của chỉ số VN30-Index trong ngắn hạn. Tổng thanh khoản thị trường phiên nay giảm nhẹ so với phiên liền trước, đạt 182.802 hợp đồng được khớp lệnh. Khối ngoại mua ròng HĐTL tháng 09 với 1.574 hợp đồng, lũy kế mua ròng khoảng 17.387 hợp đồng.
- Thị trường cơ sở điều chỉnh sau 6 tuần tăng liên tiếp, áp lực bán đã xuất hiện ở 2 phiên cuối tuần trước nhưng chỉ số chỉ giảm nhẹ khi có nhóm cổ phiếu trụ nâng đỡ, do vậy khi lực kéo này không còn được duy trì nữa thì thị trường sẽ điều chỉnh ở chỉ số rõ ràng hơn. Về kỹ thuật, chỉ số Vn-Index đã giảm sang phiên thứ 3 liên tiếp, áp lực điều chỉnh có thể đưa chỉ số này retest vùng hỗ trợ 1247 -1250 điểm trong phiên ngày mai.
- Với xu hướng điều chỉnh ngắn hạn đang được duy trì, bên Short nhiều khả năng vẫn có cơ hội sinh lời trong phiên giao dịch sáng (23/08). Tuy nhiên, trong bối cảnh chỉ số VN30 đã về lại vùng nền 1270-1280 điểm, nếu chỉ số hồi phục trở lại từ nền giá này sẽ tạo cơ hội mở vị thế cho bên Long. Do đó, đối với chiến lược trong phiên, nhà đầu tư nên quan sát mở lệnh mua mới khi giá điều chỉnh về vùng hỗ trợ 1263-1266 điểm và quản trị rủi ro nếu giá thủng mốc 1258 điểm, giá mục tiêu là vùng kháng cự mạnh 1278-1282 điểm. Hoạt động Short được kích hoạt tại các ngưỡng kháng cự tiềm năng 1278;1282 và 1292 điểm.

## CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ

### Chiến lược giao dịch trong ngày

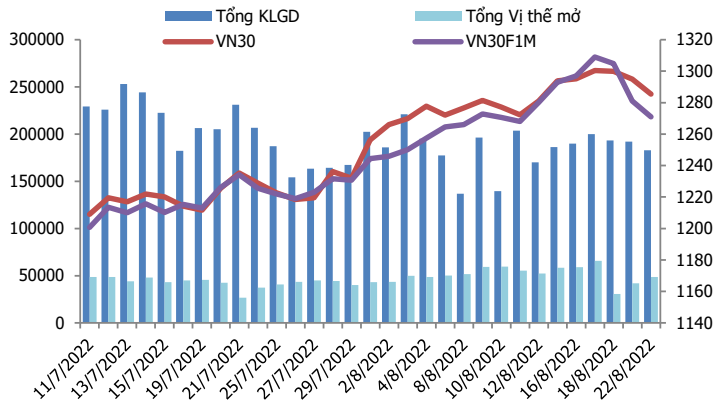
Với bối cảnh hiện tại, chiến lược trading trong biên độ sẽ là chiến lược hợp lý hơn. Vùng kháng cự quan trọng cho các nhịp hồi nếu xảy ra trên chỉ số phái sinh là 1278-1282 điểm. Chiến lược Long được xem xét mở ra trong các nhịp rung lắc, đặc biệt quan sát những sự tích lũy quanh các vùng 1263-1266 điểm hoặc thấp hơn ở vùng 1248-1252 điểm.

### Chiến lược giao dịch ngắn hạn

Quan sát phản ứng trong những phiên giao dịch tới, chờ đợi nền giá hoặc mẫu hình giá ổn định hơn để đưa ra quyết định phù hợp.

### Chiến lược giao dịch spread

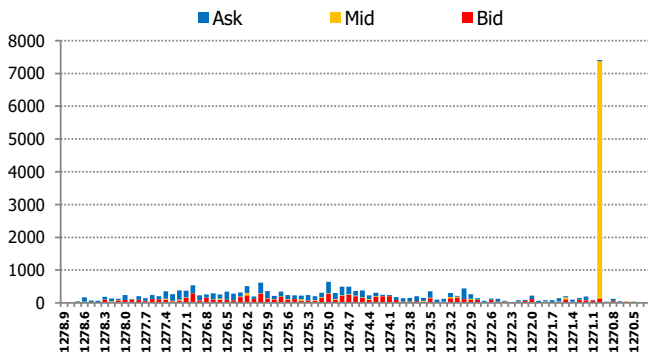
Nhà đầu tư có thể theo dõi thêm diễn biến các hợp đồng trước khi mở vị thế giao dịch spread mới phù hợp hơn.



**DIỄN BIẾN CHỈ SỐ HĐTL CÁC KỲ HẠN**

| Hợp đồng    | Giá    | % Chg | KLGD    | % Chg | OI     | % Chg |
|-------------|--------|-------|---------|-------|--------|-------|
| VN30F2209   | 1271.0 | -0.78 | 182,035 | -4.9  | 47,563 | 16.4  |
| VN30F2210   | 1269.1 | -0.71 | 544     | 94.3  | 162    | 76.1  |
| VN30F2212   | 1268.0 | -0.28 | 87      | 16.0  | 415    | -7.2  |
| VN30F2303   | 1263.1 | -0.29 | 136     | -4.2  | 478    | 0.6   |
| <b>Tổng</b> |        |       | 182,802 | -4.8  | 48,618 | 16.1  |

**THANH KHOẢN THEO TỪNG MỨC GIÁ VN30F1M**



**NHẬN ĐỊNH DIỄN BIẾN GIAO DỊCH HĐTL**

- Trong giao dịch đầu tuần, cả 4 HĐTL giảm điểm ngay từ khi mở cửa, tuy nhiên, lực cầu xuất hiện giúp hợp đồng giảm cơ sát tham chiếu trong suốt phiên sáng. Sang đến phiên chiều, khối lượng bán tiếp tục xuất hiện nhiều hơn khiến các hợp đồng chìm trong sắc đỏ. Kết phiên, VN30F2209 đóng cửa ở mức giá gần thấp nhất trong ngày.
- Tổng thanh khoản thị trường phiên nay giảm 4,79% so với phiên liền trước, đạt 182.802 hợp đồng được khớp lệnh, trong đó thanh khoản tập trung tại HĐTL tháng 08 với 182.035 hợp đồng. Khối ngoại mua ròng HĐTL tháng 09 với 1.574 hợp đồng, lũy kế mua ròng khoảng 17.387 hợp đồng.
- Giá lý thuyết (FV) MBS tính toán tham khảo phiên giao dịch tới cho hợp đồng VN30F2209 là 1.286,54 điểm (cao hơn 15,54 điểm so với giá thị trường). Tương tự, giá lý thuyết tham khảo cho hợp đồng VN30F2210 là 1.288,14 điểm (+19,04 điểm), VN30F2212 là 1.290,69 điểm (+22,69 điểm) và VN30F2303 là 1.294,85 điểm (+31,75 điểm).

**XU HƯỚNG CHỈ SỐ VN30F1M**

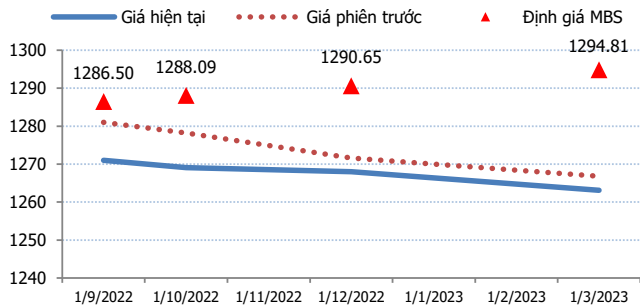
| Khung thời gian | 15m              | 1h               | Daily            |
|-----------------|------------------|------------------|------------------|
| <b>Tổng kết</b> | <b>SELL</b>      | <b>SELL</b>      | <b>BUY</b>       |
| <b>Hỗ trợ</b>   | <b>1263-1266</b> | <b>1248-1252</b> | <b>1238-1242</b> |
| <b>Kháng cự</b> | <b>1278-1282</b> | <b>1308-1311</b> | <b>1326-1330</b> |

**ĐỒ THỊ KỸ THUẬT VN30F1M**



| Spread HĐTL              | Hiện tại | Phiên trước | +/-  | MA5    |
|--------------------------|----------|-------------|------|--------|
| <b>VN30F2M - VN30F1M</b> | -1.9     | -2.80       | 0.9  | -6.88  |
| <b>VN30F1Q - VN30F1M</b> | -3       | -9.40       | 6.4  | -15.80 |
| <b>VN30F1Q - VN30F2M</b> | -1.1     | -6.60       | 5.5  | -8.92  |
| <b>VN30F2Q - VN30F1M</b> | -7.9     | -14.20      | 6.3  | -23.34 |
| <b>VN30F2Q - VN30F2M</b> | -6       | -11.40      | 5.4  | -16.46 |
| <b>VN30F2Q - VN30F1Q</b> | -4.9     | -4.80       | -0.1 | -7.54  |

**ĐƯỜNG CONG GIÁ HĐTL CÁC KỲ HẠN**



**DIỄN BIẾN GIÁ HỢP ĐỒNG VN30F1M VÀ VN30F2M**

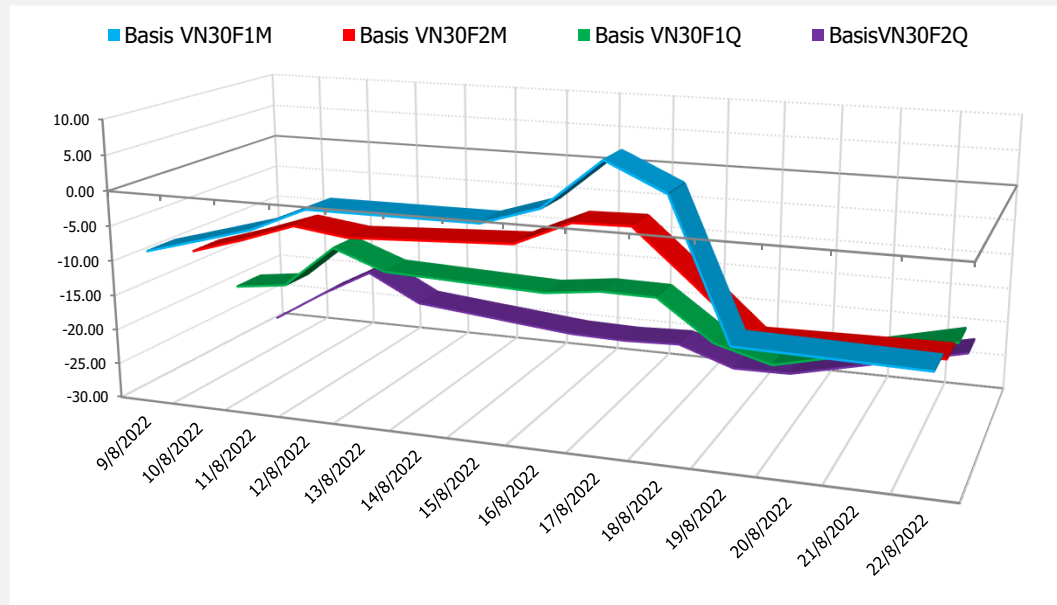


**NHẬN ĐỊNH CHÊNH LỆCH GIÁ HĐTL**

- Basis của các HĐTL tiếp tục yếu đi so với phiên trước (-22,35 đến -14,45 điểm), điều này cho thấy nhà đầu tư đang dự phòng kịch bản rung lắc của chỉ số VN30-Index trong ngắn hạn.

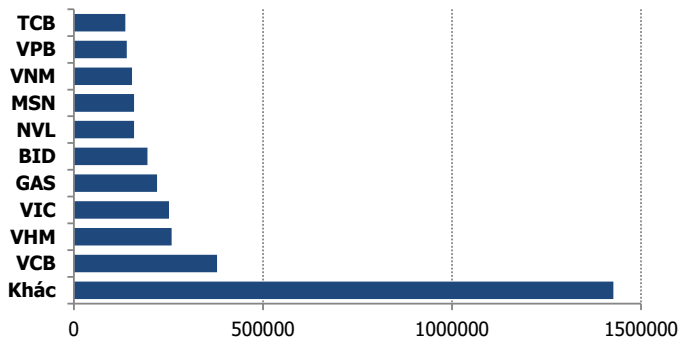
Chênh lệch giá giữa các hợp đồng cuối phiên giao dịch hôm nay có xu hướng tăng, hiện nằm trong khoảng -7,9 điểm đến -1,1 điểm. Trong đó, chênh lệch giá hai hợp đồng kỳ hạn gần nhất (VN30F2208-VN30F2207) tăng thêm 0,9 điểm. Hiện tại, xu hướng chênh lệch giá giữa các cặp hợp đồng này chưa rõ ràng, do đó, nhà đầu tư có thể theo dõi thêm diễn biến các hợp đồng trước khi mở vị thế giao dịch spread mới phù hợp hơn.

**DIỄN BIẾN BASIS CÁC HĐTL**

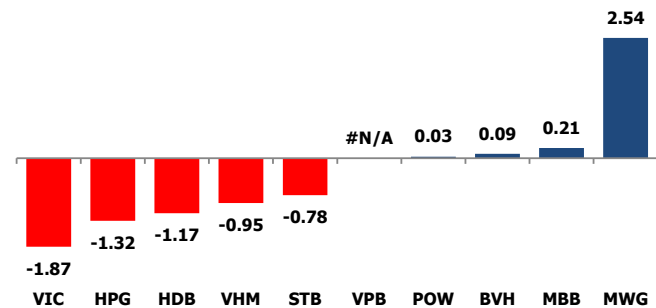


|                              | VNIndex  | VN30     |
|------------------------------|----------|----------|
| <b>Đóng cửa</b>              | 1260.43  | 1285.45  |
| <b>Thay đổi</b>              | -8.75    | -9.48    |
| <b>%Chg</b>                  | -0.69    | -0.73    |
| <b>YTD</b>                   | -15.87   | -16.30   |
| <b>Vốn hóa (ngh.tỷ đồng)</b> | 5,012.07 | 3,478.99 |
| <b>P/E</b>                   | 13.47    | 11.12    |
| <b>P/B</b>                   | 2.07     | 2.11     |

**TOP 10 CỔ PHIẾU VỐN HÓA TRONG VN30**



**CÁC MÃ ẢNH HƯỞNG LỚN NHẤT TỚI VN30-INDEX**



**NHẬN ĐỊNH CHỈ SỐ VN30**

- Nhóm vốn hóa lớn hôm nay là nguyên nhân khiến các chỉ số chính tiếp tục chìm trong sắc đỏ. Số mã giảm điểm (26) áp đảo hoàn toàn so với số mã tăng điểm (3) và 1 mã đứng tham chiếu. VIC và HPG trở thành hai trụ tác động tiêu cực nhất tới đà giảm của VN30-Index với mức ảnh hưởng lần lượt là -1,87 điểm và -1,32 điểm; ngoài ra HDB, VHM hay STB cũng là những bluechips giảm điểm và kéo chỉ số VNI đóng cửa dưới mốc tham chiếu.

Chốt phiên, chỉ số VN30 giảm 9,48 điểm (-0,73%) xuống 1.285,45 điểm. Khối lượng giao dịch của nhóm VN30 đạt 142,1 triệu cổ phiếu, tương ứng giá trị 4.926 tỷ đồng.

Khối ngoại tiếp tục bán ròng với 270,29 tỷ đồng trên toàn thị trường. Trong đó, lực bán tập trung ở các mã như KBC (-54 tỷ đồng), SSI (-41 tỷ đồng), VHM (-36 tỷ đồng), STB (-31 tỷ đồng), HPG (-29 tỷ đồng).

**ĐỒ THỊ KỸ THUẬT VN30**



| Chỉ số            | Điểm số   | %Chg   | P/E   | YTD     |
|-------------------|-----------|--------|-------|---------|
| <b>VNIndex</b>    | 1,260.43  | (0.69) | 13.47 | (15.87) |
| <b>Dow Jones</b>  | 33,063.61 | (1.91) | 18.21 | (9.01)  |
| <b>S&amp;P500</b> | 4,137.99  | (2.14) | 20.21 | (13.18) |
| <b>Nikkei 225</b> | 28,439.62 | (1.23) | 28.70 | (1.22)  |
| <b>Shanghai</b>   | 3,277.79  | 0.61   | 14.35 | (9.95)  |
| <b>DAX</b>        | 13,230.57 | (2.32) | 12.74 | (16.71) |
| <b>Vàng</b>       | 1,739.54  | 0.19   |       | (4.90)  |
| <b>Dầu WTI</b>    | 91.11     | 0.83   |       | 21.14   |

**LỊCH THÔNG TIN KINH TẾ THẾ GIỚI**

|   | Kỳ trước | Dự báo | Thực tế |
|---|----------|--------|---------|
| <b>Thứ Hai - 22/06/2022</b>                               |          |        |         |
| Trung Quốc - Lãi suất cho vay cơ bản của PBoC             | 3.70%    |        | 3.65%   |
| <b>Thứ Ba - 23/06/2022</b>                                |          |        |         |
| Đức - Chỉ số PMI sản xuất (Tháng 8)                       | 49.3     | 48.3   |         |
| Anh - Chỉ số quản lý sức mua hỗn hợp                      | 52.1     | 51.3   |         |
| Anh - Chỉ số quản lý thu mua (PMI) - Sản xuất             | 52.1     | 51.0   |         |
| Anh - Chỉ số PMI dịch vụ                                  | 52.6     | 52.0   |         |
| Mỹ - Doanh số bán nhà mới (Tháng 7)                       | 590K     | 575K   |         |
| <b>Thứ Tư - 24/06/2022</b>                                |          |        |         |
| Mỹ - Đơn đặt hàng hoá lâu bền lỗi (tháng/tháng) (Tháng 7) | 0.4%     | 0.2%   |         |
| Mỹ - Doanh số nhà chờ bán (tháng/tháng) (Tháng 7)         | -8.6%    | -3.8%  |         |
| Mỹ - Dự trữ dầu thô                                       | -7.056M  |        |         |
| <b>Thứ Năm - 25/06/2022</b>                               |          |        |         |
| Đức - GDP (quý/quý) (Quý 2)                               | 0.2%     | 0.0%   |         |
| Đức - Chỉ số môi trường kinh doanh Ifo (Tháng 8)          | 88.6     | 86.7   |         |
| Mỹ - Tổng GDP (quý/quý) (Quý 2)                           | -0.9%    | -0.8%  |         |
| Mỹ - Đề nghị trợ cấp thất nghiệp lần đầu                  | 250K     | 253K   |         |
| <b>Thứ Sáu - 26/06/2022</b>                               |          |        |         |
| Mỹ - Chỉ số giá PCE lõi (tháng/tháng) (Tháng 7)           | 0.6%     | 0.3%   |         |

**NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN THẾ GIỚI**

- Đóng cửa, chỉ số Dow Jones rớt 643,13 điểm (-1,91%) xuống 33.063,61 điểm. Chỉ số S&P 500 lùi 2,14% xuống 4.137,99 điểm và chỉ số Nasdaq Composite mất 2,55% còn 12.381,57 điểm. Đây là phiên giao dịch tồi tệ nhất kể từ ngày 16/6/2022 đối với cả Dow Jones và S&P 500. Nhà đầu tư đang dự báo đây có thể là một tuần giao dịch đầy biến động trước những nhận định mới nhất của Chủ tịch Fed Jerome Powell về lạm phát tại Hội nghị chuyên đề kinh tế thường niên Jackson Hole của ngân hàng trung ương.
- Kết phiên, dầu thô Brent kỳ hạn tháng 10 đóng cửa giảm 24 US cent (-0,25%) xuống 96,48 USD/thùng. Hợp đồng này đã giảm khoảng 4,5% trước đó, kết thúc chuỗi tăng 3 ngày. Dầu thô WTI giao tháng 9, đáo hạn trong phiên đã giảm 54 US cent (-0,6%) xuống 90,23 USD/thùng. Hợp đồng kỳ hạn tháng 10 giảm 4 US cent (-0,03%) xuống 90,41 USD/thùng.
- Giá vàng giảm xuống mức thấp nhất một tháng trong bối cảnh các kim loại quý giảm bởi USD mạnh lên, việc tăng lãi suất của Cục dự trữ liên bang sắp diễn ra cũng làm giảm sức hấp dẫn của vàng. Tiếp tục giảm phiên thứ 6, vàng giao ngay giảm 0,6% xuống 1.736,74 USD/ounce sau khi xuống mức thấp nhất kể từ ngày 27/6 trong phiên này. Vàng Mỹ kỳ hạn tháng 12 giảm 0,8% xuống 1.748,4 USD/ounce.

**NHẬN ĐỊNH CỔ PHIẾU BIẾN ĐỘNG MẠNH TRONG VN30**

Xét về mức độ ảnh hưởng, bộ 3 VIC, HPG và HDB là những nguyên nhân chính khiến chỉ số VN30 tiếp tục giảm điểm. Trong đó, VIC gây ảnh hưởng -1,87 điểm tới chỉ số VN30.



DANH MỤC CỔ PHIẾU TRONG VN30

| Cổ phiếu | Ngành  | Tỷ trọng (%) | Giá     | %Chg  | H-L   | GTGD    | Điểm tác động | PE       | PB       |
|----------|--|--------------|---------|-------|-------|---------|---------------|----------|----------|
| VPB      | Banks  | 7.89         | 31,250  | 0.00  | 2.10% | 418.492 | 0.00          | 8.32     | 1.53     |
| TCB      | Banks  | 7.16         | 38,700  | -0.77 | 1.43% | 119.787 | -0.71         | 6.71     | 1.31     |
| FPT      | Electronic Equipment, Instruments & Components       | 6.56         | 86,800  | -0.12 | 1.63% | 141.378 | -0.10         | 20.22    | 4.93     |
| VHM      | Real Estate Management & Development                 | 6.29         | 59,400  | -1.16 | 2.20% | 125.927 | -0.95         | 6.76     | 2.00     |
| HPG      | Metals & Mining                                      | 6.06         | 23,350  | -1.68 | 2.59% | 558.63  | -1.32         | 4.08     | 1.37     |
| MSN      | Food Products  | 5.81         | 111,800 | -0.18 | 2.52% | 51.671  | -0.13         | 15.88    | 5.76     |
| ACB      | Banks  | 5.74         | 24,650  | -0.80 | 0.81% | 55.269  | -0.59         | 7.08     | 1.60     |
| MWG      | Specialty Retail                                     | 5.53         | 66,500  | 3.74  | 3.72% | 387.056 | 2.54          | 19.35    | 4.35     |
| NVL      | Real Estate Management & Development                 | 5.17         | 81,800  | -0.61 | 2.86% | 258.551 | -0.40         | 37.73    | 4.37     |
| VIC      | Real Estate Management & Development                 | 5.10         | 66,000  | -2.80 | 3.03% | 98.278  | -1.87         | #N/A N/A | #N/A N/A |
| VNM      | Food Products  | 5.00         | 73,700  | -0.54 | 1.49% | 153.706 | -0.35         | 18.18    | 4.51     |
| MBB      | Banks  | 3.89         | 23,100  | 0.43  | 1.96% | 247.239 | 0.21          | 6.66     | 1.55     |
| STB      | Banks  | 3.78         | 24,700  | -1.59 | 2.02% | 241.134 | -0.78         | 12.98    | 1.30     |
| VCB      | Banks  | 3.38         | 80,000  | -1.11 | 1.88% | 42.189  | -0.48         | #N/A N/A | #N/A N/A |
| HDB      | Banks  | 2.91         | 25,450  | -3.05 | 2.75% | 70.585  | -1.17         | 7.91     | 1.64     |
| VJC      | Airlines   | 2.72         | 123,900 | -0.08 | 0.65% | 32.021  | -0.03         | 342.78   | 3.93     |
| VIB      | #N/A   | 2.35         | 25,000  | -2.72 | 4.67% | 61.036  | #N/A          | 7.33     | 1.87     |
| VRE      | Real Estate Management & Development                 | 2.14         | 29,050  | -0.85 | 2.99% | 39.71   | -0.24         | 72.46    | 2.13     |
| SSI      | Capital Markets                                      | 2.09         | 24,700  | -1.79 | 3.05% | 418.121 | -0.49         | 9.24     | 1.83     |
| TPB      | Banks  | 1.79         | 27,900  | -1.76 | 1.98% | 40.749  | -0.41         | 8.43     | 1.61     |
| CTG      | Banks  | 1.64         | 28,000  | -0.88 | 1.97% | 155.214 | -0.19         | 9.16     | 1.32     |
| KDH      | Real Estate Management & Development                 | 1.42         | 37,700  | -2.58 | 2.39% | 36.061  | -0.48         | 22.09    | 2.54     |
| PDR      | Capital Markets                                      | 1.22         | 56,100  | -2.60 | 3.23% | 161.024 | -0.42         | 17.99    | 4.89     |
| SAB      | Food Products  | 1.11         | 194,000 | -0.51 | 1.66% | 16.987  | -0.07         | 32.50    | 5.81     |
| GAS      | Gas Utilities  | 0.89         | 114,900 | -0.61 | 2.01% | 42.793  | -0.07         | 17.23    | 3.70     |
| POW      | Independent Power and Renewable Electricity Producer | 0.65         | 13,650  | 0.37  | 1.85% | 113.724 | 0.03          | 15.90    | 1.10     |
| BID      | Banks  | 0.63         | 38,450  | -2.29 | 2.61% | 68.279  | -0.19         | 15.01    | 2.14     |
| PLX      | Oil, Gas & Consumable Fuels                          | 0.44         | 42,350  | -0.82 | 2.25% | 42.054  | -0.05         | 21.71    | 2.11     |
| BVH      | Beverages  | 0.34         | 57,000  | 2.15  | 3.23% | 50.936  | 0.09          | 22.54    | 1.95     |
| GVR      | Real Estate Management & Development                 | 0.31         | 23,650  | -2.27 | 3.21% | 46.155  | -0.09         | 21.52    | 1.90     |

| STT | Thông tin cơ bản HĐTL VN30                      | Đặc điểm sản phẩm   |
|-----|---|---|
| 1   | <b>Mã hợp đồng</b>                              | VN30F-yy-mm   |
| 2   | <b>Tài sản cơ sở</b>                            | Chỉ số cổ phiếu VN30  |
| 3   | <b>Hệ số nhân hợp đồng</b>                      | 100.000 đồng  |
| 4   | <b>Quy mô 01 hợp đồng</b>                       | 100.000 đồng * Điểm chỉ số VN30   |
| 5   | <b>Tháng đáo hạn</b>                            | -Tháng hiện tại<br>- Tháng tiếp theo<br>- Hai tháng cuối 2 quý gần nhất   |
| 6   | <b>Phương thức giao dịch</b>                    | - Giao dịch khớp lệnh; Giao dịch thỏa thuận   |
| 7   | <b>Thời gian giao dịch</b>                      | <b>GD Khớp lệnh định kỳ</b> - ATO: 08h45 - 09h00 - ATC: 14h30 - 14h45<br><b>GD khớp lệnh liên tục</b> - Sáng: 09h00 - 11h30 - Chiều: 13h00 - 14h30<br><b>GD Thỏa thuận</b> - 08h45 - 14h45                                      |
|     | <b>Các loại lệnh giao dịch</b>                  | LO, MOK, MAK, MTL, ATO, ATC.  |
|     | <b>Nguyên tắc khớp lệnh</b>                     | Ưu tiên giá và thời gian.   |
| 10  | <b>Khối lượng giao dịch tối thiểu/lệnh</b>      | 01 hợp đồng   |
| 11  | <b>Khối lượng giao dịch tối đa/lệnh</b>         | 500 hợp đồng  |
| 12  | <b>Đơn vị yết giá/ Bước giá</b>                 | 0,1 điểm chỉ số = 0,1 * 100.000 = 10.000 đồng   |
| 13  | <b>Biên độ dao động</b>                         | +/- 7%  |
| 14  | <b>Ngày giao dịch cuối cùng</b>                 | Thứ 5 của tuần thứ 3 của tháng đáo hạn. Nếu rơi vào ngày nghỉ lễ thì sẽ được điều chỉnh lên ngày giao dịch liền trước.  |
| 15  | <b>Ngày thanh toán cuối cùng</b>                | Ngày làm việc liền sau ngày giao dịch cuối cùng.  |
| 16  | <b>Phương thức thanh toán</b>                   | Thanh toán bằng tiền  |
| 17  | <b>Giá thanh toán hàng ngày</b>                 | Giá hợp đồng phái sinh do HNX xác định để tính toán giá trị lãi/lỗ phát sinh cuối ngày của từng hợp đồng.   |
| 18  | <b>Giá thanh toán cuối cùng</b>                 | Giá đóng cửa của chỉ số VN30 tại ngày giao dịch cuối cùng của HĐTL.   |
| 19  | <b>Giá tham chiếu</b>                           | Giá thanh toán cuối ngày của hợp đồng tương lai trong ngày giao dịch liền trước.  |
| 20  | <b>Mở tài khoản</b>                             | Nhà đầu tư cần có 2 tài khoản để tham gia giao dịch phái sinh: 1 tài khoản giao dịch tại các CTCK là thành viên giao dịch CKPS và 1 tài khoản ký quỹ tại các CTCK là thành viên bù trừ CKPS.                                    |
| 21  | <b>Giới hạn vị thế nắm giữ tối đa trên 1 TK</b> | NĐT Chứng khoán chuyên nghiệp: 20.000 hợp đồng; NĐT tổ chức: 10.000 hợp đồng; NĐT cá nhân: 5.000 hợp đồng   |
| 22  | <b>Mức ký quỹ ban đầu</b>                       | Tài sản nhà đầu tư phải đặt cọc với công ty môi giới đối với mỗi hợp đồng trước khi giao dịch. VSD quy định tỷ lệ ký quỹ ban đầu là 10% quy mô hợp đồng nhưng để phòng ngừa rủi ro, các CTCK thường yêu cầu mức ký quỹ cao hơn. |
| 23  | <b>Mức ký quỹ duy trì</b>                       | Tài sản ký quỹ tối thiểu trong TK đối với mỗi vị thế mở mà nhà đầu tư đang nắm giữ, thường ít hơn so với mức ký quỹ ban đầu.  |
| 24  | <b>Ký quỹ bổ sung</b>                           | Nộp tài sản bổ sung để số dư TK ký quỹ không thấp hơn mức ký quỹ duy trì hoặc đóng bớt vị thế trên TK để đảm bảo tiếp tục giao dịch.  |
| 25  | <b>Thoát khỏi hợp đồng tham gia</b>             | Nhà đầu tư nắm giữ vị thế hợp đồng cho đến thời điểm đáo hạn hoặc thoát khỏi vị thế trước thời điểm đáo hạn bằng cách đặt một/nhiều lệnh tại vị thế đối nghịch với vị thế trước đó.   |

## **TUYÊN BỐ MIỄN TRÁCH NHIỆM**

Bản quyền năm 2017 thuộc về Công ty CP Chứng khoán MB (MBS). Những thông tin sử dụng trong báo cáo được thu thập từ những nguồn đáng tin cậy và MBS không chịu trách nhiệm về tính chính xác của chúng. Quan điểm thể hiện trong báo cáo này là của (các) tác giả và không nhất thiết liên hệ với quan điểm chính thức của MBS. Không một thông tin cũng như ý kiến nào được viết ra nhằm mục đích quảng cáo hay khuyến nghị mua/bán bất kỳ chứng khoán nào. Báo cáo này không được phép sao chép, tái bản bởi bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào khi chưa được phép của MBS.

## **MBS HỘI SỞ**

Tòa nhà MB, số 21 Cát Linh, Đống Đa, Hà Nội

Tel: +84 24 3726 2600 - Fax: +84 24 3726 2601

[Webiste: www.mbs.com.vn](http://www.mbs.com.vn)

Hotline: **1900 9088**

## **KHỐI NGHIÊN CỨU | PHÒNG NGHIÊN CỨU KHÁCH HÀNG CÁ NHÂN**

|                |                          |  |
|----------------|--------------------------|--|
| Trần Hoàng Sơn | Trưởng bộ phận/Kiểm soát | <a href="mailto:son.tranhoang@mbs.com.vn">son.tranhoang@mbs.com.vn</a> |
| Phạm Văn Quỳnh | Chuyên viên nghiên cứu   | <a href="mailto:quynh.phamvan@mbs.com.vn">quynh.phamvan@mbs.com.vn</a> |
| Đình Việt Long | Chuyên viên nghiên cứu   | <a href="mailto:long.dinhviet@mbs.com.vn">long.dinhviet@mbs.com.vn</a> |